

# Khác biệt sinh kế giữa người Kinh và người Ca-dong và một số vấn đề đặt ra (trường hợp thôn 7, xã Trà Tân, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam)<sup>1</sup>

Lê Thị Thỏ<sup>(\*)</sup>

**Tóm tắt:** Sự có mặt và xen cư của người Kinh là nhân tố tích cực thúc đẩy phát triển sinh kế của người Ca-dong ở thôn 7, xã Trà Tân, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam. Tuy vậy, do khác biệt đặc điểm xã hội, văn hóa tự thân, đã và đang tồn tại một số khác biệt sinh kế giữa hai bộ phận dân cư, phản ánh sự chậm phát triển, dẫn đến đời sống thấp kém hơn của người Ca-dong so với người Kinh nơi đây. Thực trạng, nguyên nhân và hệ quả của khác biệt sinh kế nói trên đòi hỏi cần có các giải pháp phù hợp trong khuyến nông, khuyến lâm, nâng cao tư duy kinh tế thị trường, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và tăng cường vai trò truyền bá kỹ thuật sản xuất mới của người Kinh.

**Từ khóa:** Sinh kế, Người Ca-dong, Quảng Nam

**Abstract:** The presence and alternation of the Kinh people plays a positive factor in promoting the livelihood diversity of the Ca-dong people in Village 7, Tra Tan commune, Bac Tra My district, Quang Nam province. However, due to differences in social and cultural characteristics, there exist some differences in the livelihood between the two population groups, which reflects the stagnant economy and lower living standard of Ca-dong people compared to Kinh residents. The reality, causes and consequences of the above-mentioned livelihood differences imply hands-on policies in agricultural and forestry extension, cultivation of market economy ideas and high-quality human resources, as well as the spread of new production techniques by the Kinh people.

**Keywords:** Livelihood, Ca-dong people, Quang Nam

## 1. Mở đầu

Quảng Nam là tỉnh có 3 kiểu địa hình đồng bằng ven biển, trung du, miền núi,

là địa bàn cư trú lâu đời của các dân tộc thiểu số tại chỗ, trong đó có người Xơ Đăng (gồm các nhóm Ca-dong, Mơ Nâm, Xơ Teng, cư trú chủ yếu ở huyện Nam Trà My, ngoài ra còn cả ở huyện Bắc Trà My). Từ năm 1976 đến nay, do kết quả của quá trình di dân, miền núi Quảng Nam đã đón nhận sự có mặt của một số dân tộc mới đến như Kinh, Hoa, Tày, Nùng, Thái,... Tuy vậy, do những nguyên nhân chủ quan và khách quan, nhất là do khác biệt về văn hóa và

<sup>1</sup> Bài viết là kết quả nghiên cứu của Đề tài Khoa học công nghệ cấp quốc gia “Một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong cộng đồng các dân tộc thiểu số tại chỗ khu vực tây duyên hải miền Trung”, mã số CTDT.36.18/16-20, do PSG.TS. Bùi Văn Đạo làm chủ nhiệm, Viện Dân tộc học chủ trì.

<sup>(\*)</sup> ThS., Viện Dân tộc học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; Email: lethoatq@gmail.com

trình độ phát triển kinh tế, xã hội tự thân, dù cùng điều kiện tự nhiên và cùng cộng cư, xen cư bên nhau nhiều thập niên, nhưng giữa người Kinh và các dân tộc thiểu số tại chỗ vẫn tồn tại những khoảng cách thể hiện trên nhiều lĩnh vực của đời sống, đáng chú ý và rõ nét là khác biệt trong hoạt động sinh kế. Khác biệt sinh kế giữa người Kinh và người Ca-dong xen cư ở thôn 7, xã Trà Tân, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam là một trường hợp như vậy.

Qua điền dã thực địa vào tháng 3/2019, với các tài liệu thu thập chủ yếu dựa trên phương pháp quan sát, phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm<sup>1</sup>, bài viết bước đầu đưa ra thực trạng và nguyên nhân dẫn đến khác biệt sinh kế cũng như chỉ ra một số vấn đề nhằm góp phần phát triển bền vững sinh kế của người Ca-dong thôn 7, xã Trà Tân nói riêng, các tộc người thiểu số miền núi duyên hải miền Trung nói chung trong bối cảnh hiện nay.

## 2. Tổng quan địa bàn khảo sát

Huyện Bắc Trà My gồm 12 xã, 1 thị trấn, trong đó Trà Tân là xã miền núi nhưng tương đối phát triển. Cơ cấu kinh tế của xã chủ yếu nông - lâm nghiệp 70%, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp 10% và thương mại - dịch vụ 20% (Chi cục Thống kê huyện Bắc Trà My, 2018). Thôn 7 là một trong tám thôn của xã Trà Tân được lựa chọn để khảo sát, kết quả thống kê của chúng tôi cho thấy thôn 7 có 75 hộ với 315 nhân khẩu (trong đó Ca-dong 43 hộ với 173 khẩu, Kinh 32 hộ với 142 khẩu).

Văn hóa truyền thống của người Ca-dong thôn 7 là hợp phần văn hóa truyền

thống của người Ca-dong Bắc Trà My. Trồng trọt là sinh kế chủ đạo, gồm canh tác rẫy, làm ruộng nước, làm vườn, đặc biệt là nghề trồng quế thương phẩm, tuy nhiên nghề trồng quế đã mất đi từ đầu thế kỷ XX. Vật nuôi gồm trâu, bò, lợn, gà, dê, chó. Trao đổi còn sơ khai, chủ yếu vẫn theo phương thức vật đổi vật. Nghề thủ công gồm đan lát, dệt vải và rèn, sản phẩm tinh xảo nhưng năng suất thấp, giá thành không cao, bị mai một theo thời gian. Trước đây, khai thác nguồn lợi tự nhiên có vai trò quan trọng với người Ca-dong, nổi bật là săn bắn. Nhìn chung, các hoạt động sinh kế đều phục vụ nhu cầu tự cấp tự túc.

Người Kinh là bộ phận cư dân đến sau ở thôn 7, vốn từ huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam di cư lên xây dựng kinh tế mới theo chủ trương của tỉnh Quảng Nam vào năm 1984. So sánh với người Ca-dong, người Kinh thôn 7 có trình độ phát triển tự thân cao hơn, kinh tế, xã hội, văn hóa đều dựa trên cơ sở sản xuất ruộng nước.

## 3. Sự khác biệt sinh kế

### a) Trong sản xuất nông nghiệp

Sinh kế nông nghiệp của người Kinh và người Ca-dong thôn 7 hiện nay gồm 3 hoạt động chính là trồng trọt, quản lý bảo vệ rừng và chăn nuôi. Trong đó, trồng trọt là sinh kế nông nghiệp chính yếu, với 4 sinh kế bộ phận là canh tác ruộng nước, trồng keo, liên doanh cao su và làm vườn.

Ruộng nước xuất hiện ở người Ca-dong từ thời kháng chiến chống Mỹ, do học hỏi từ bộ đội và cán bộ cách mạng. Đến nay, theo tư liệu điền dã của Đề tài, diện tích ruộng nước của người Ca-dong thôn 7 là 4,5ha/12ha diện tích toàn thôn, bình quân 0,105ha/hộ. Trong khi, diện tích ruộng nước của người Kinh cao gấp đôi với 7,5ha, bình quân 0,23ha/hộ. Qua quá trình sống xen cư với người Kinh, trao đổi kinh

<sup>1</sup> Thảo luận 2 nhóm hỗn hợp (mỗi nhóm 10 người) gồm người Ca-dong và cán bộ quản lý thôn 7; phỏng vấn sâu ngẫu nhiên 5 hộ gia đình người Kinh và 10 hộ gia đình người Ca-dong thôn 7.

nghiệm cùng với lịch thời vụ địa phương, người Ca-dong canh tác ruộng nước hai vụ. Tuy nhiên, kiến thức, kỹ thuật sử dụng công cụ canh tác hạn chế, vẫn chủ yếu sử dụng lao động thủ công, gồm cả việc tuốt lúa bằng máy đập chân dẫn đến năng suất, hiệu quả thấp. Ngược lại, người Kinh canh tác ruộng nước với vốn lớn hơn, nhiều kinh nghiệm cũng như luôn cập nhật hiệu quả các kỹ thuật canh tác trong các khâu làm đất, chọn giống, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón hữu cơ và vô cơ, làm cỏ, sử dụng các loại máy nông cơ như máy cày, bừa, máy tuốt lúa, máy gặt... Để vận chuyển lúa về nhà, hầu hết người Kinh sử dụng công nông, người Ca-dong chủ yếu dùng xe bò kéo hoặc gùi bằng sức người. Những khác biệt đó dẫn đến năng suất lúa ruộng của người Kinh đạt 4,5-5,0 tấn/ha/vụ, cao gấp 1,5 lần của người Ca-dong (3,0-3,5 tấn/ha/vụ). Tư liệu điền dã của chúng tôi tại các hộ gia đình cũng cho thấy, thu nhập từ ruộng nước của người Kinh là 2,5 tấn/hộ/năm, cao gấp 2,5 đến 2,7 lần của người Ca-dong (0,9 tấn/hộ/năm).

Loại cây trồng quan trọng thứ hai ở thôn 7 là cây keo, được đưa vào trồng từ năm 2011, thay thế cây lương thực lúa, ngô, sản trên đất nương rẫy đã bạc màu và kém hiệu quả. Cây keo đang là một trong những cây chủ lực của địa phương. Một ha đất trồng keo đúng kỹ thuật (năm 2018) cho thu hoạch khoảng 12 triệu đồng/năm, là mức thu nhập cao hơn so với trồng cây lương thực.

Đến nay, diện tích trồng keo của người Kinh trong thôn 7 là 108 ha, người Ca-dong là 64 ha. Bình quân diện tích keo/hộ của người Kinh là 3,4 ha, cao gấp hơn 2,0 lần so với của người Ca-dong (1,5 ha). Ở đây, có một số khác biệt về kỹ thuật trồng keo giữa hai nhóm cư dân. Người Kinh tuân

thủ đúng quy cách, kích thước, mật độ, chọn giống, bón phân, làm cỏ, chăm sóc, còn người Ca-dong làm theo cảm tính, do ít kinh nghiệm nên thường trồng dày hơn hoặc thưa hơn. Trong khi người Kinh đã chuyển sang trồng giống keo mới là keo tai tượng, dù kỹ thuật trồng và chăm sóc phức tạp hơn nhưng cho năng suất cao, thì đa số người Ca-dong vẫn trồng giống keo chàm, kỹ thuật đơn giản hơn nhưng năng suất thấp. Tập quán xen canh vẫn được người Ca-dong áp dụng trong hai năm đầu, họ trồng xen cây mì với keo. Về cách thức tiêu thụ sản phẩm, người Kinh thường bán keo thành phẩm đã bóc vỏ, thu nhập cao hơn, người Ca-dong thường bán keo cây đứng theo diện tích, thu nhập thấp hơn. Người Kinh thu hoạch keo đúng tuổi trong khoảng 5-7 năm nên năng suất cao hơn, người Ca-dong hay bán keo non, khoảng 4 năm tuổi nên năng suất thấp hơn. Thậm chí, một số hộ nghèo bán keo non với giá chỉ bằng 2/3 giá thị trường. Sở dĩ có sự khác nhau như vậy là do khác biệt về thói quen, tâm lý và phong tục trong sản xuất giữa hai bộ phận dân cư. Ở người Kinh, trồng keo đem lại thu nhập (15-17 triệu đồng/ha/năm) cao gấp gần 1,5 lần so với của người Ca-dong (9-11 triệu đồng/ha/năm). Cũng như thế, ở người Kinh, bình quân thu nhập trồng keo là 55 triệu đồng/hộ/năm, cao hơn 3 lần so với bình quân thu nhập trồng keo của người Ca-dong (16 triệu đồng/hộ/năm).

Canh tác vườn giữa hai bộ phận cư dân cũng thể hiện sự khác biệt rất rõ rệt. Nhìn vào diện tích thấy rằng, vườn của hộ gia đình người Kinh trung bình 1.200 m<sup>2</sup>/hộ, cây trồng đa dạng gồm cây ăn quả như bơ, bưởi, chuối, xoài, đu đủ; cây thực phẩm có các loại rau theo mùa như cà, mướp, ớt, bầu, bí, rau lang. Ngoài tự cấp tự túc, một số hộ có rau để bán. Nhờ đó, vườn đem lại

khoản thu nhập bảo đảm nhu cầu chăn nuôi và tự túc hàng ngày cho hộ gia đình. Ngược lại, vườn của người Ca-dong diện tích nhỏ hơn, cây trồng thưa thớt, cần cỗi do không đầu tư nước tưới, chỉ trông vào nước mưa. Vì vậy, vườn không đem lại thu nhập đáng kể cho các hộ gia đình Ca-dong.

Liên doanh cao su là hình thức trồng trọt mới xuất hiện ở thôn 7, chỉ có các hộ người Ca-dong tham gia. Năm 2011, Công ty Cao su Quảng Nam đến vận động người dân các xã Trà Nú, Trà Tân, Trà Coóc ở huyện Bắc Trà My tự nguyện góp đất trồng cao su theo phương thức liên doanh, người dân góp đất, công ty góp giống, phân bón, công chăm sóc và thu hoạch. Sản phẩm ăn chia là mủ cao su thu hoạch vào năm thứ 6 trở đi. Tỷ lệ ăn chia là 7/3, công ty 7 phần, người dân 3 phần. Tại thôn 7, có 12 hộ người Ca-dong ký hợp đồng góp đất trồng cao su liên doanh, với diện tích 22,5 ha<sup>1</sup>. Đến năm 2019, cây cao su đã sang năm thứ 8, lẽ ra đã có sản phẩm (cho thu nhập) được hai năm, nhưng công ty chưa thu hoạch do mủ cao su rớt giá, đồng nghĩa người Ca-dong góp đất vẫn chưa được hưởng lợi từ cao su. Thiếu đất sản xuất, người Ca-dong thôn 7 và thôn 8 đang muốn lấy lại đất, nhưng công ty cao su không đồng ý do chưa hết hạn hợp đồng thuê đất. Liên doanh cao su đang là vấn đề bức xúc cần giải quyết của người Ca-dong xã Trà Tân hiện nay.

Từ năm 2015, phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện Bắc Trà My giao rừng cho nhóm hộ thôn 7 quản lý và bảo vệ, kinh phí lấy từ ngân sách dịch vụ môi trường rừng do Thủy điện Sông Tranh 2 chi trả. Quản lý bảo vệ rừng trở thành hoạt động sinh kế mới ở thôn 7. Có 15 hộ

gia đình người Ca-dong thuộc nhóm hộ được giao quản lý bảo vệ rừng với diện tích 315 ha, cách làng khoảng 1 giờ đi bộ. Trừ chi phí quản lý cho xã và chi phí công ích cho cộng đồng, tiền quản lý, bảo vệ được chia cho các thành viên trong nhóm hộ theo ngày công, mỗi hộ nhận được trên 2,5 triệu đồng/năm.

Hơn 30 năm sống cộng cư, xen cư nhưng khoảng cách trong chăn nuôi giữa người Kinh và người Ca-dong thôn 7 có sự cách biệt đáng kể. Về cơ sở vật chất, các hộ người Kinh đầu tư xây dựng chuồng trại khang trang, kiên cố, sạch sẽ, thoáng mát. Giống vật nuôi đa dạng, giống mới được đưa vào chăn nuôi nhằm tăng năng suất và sản lượng, cải thiện sinh kế hộ gia đình. Kỹ thuật chăn nuôi như tiêm phòng dịch bệnh, sử dụng thức ăn gia súc luôn được cập nhật và áp dụng. Trong khi đó, người Ca-dong ít chú ý đến việc làm chuồng trại kiên cố, đa số chuồng trại là tạm bợ (chỉ là khung nhà và hai mái tạm) và ít sử dụng, hiện vẫn còn 34/43 hộ chưa có chuồng trại. Các giống vật nuôi mới như bò lai Sin, lợn cao sản, gà công nghiệp... ít được sử dụng ở người Ca-dong, phổ biến vẫn là giống địa phương, chậm lớn nhưng sức đề kháng cao. Khâu chăm sóc và phòng dịch bệnh không được quan tâm, thiên về thích ứng và đào thải tự nhiên. Qua khảo sát ngẫu nhiên 5 hộ người Kinh và 5 hộ người Ca-dong cho thấy, quy mô và số lượng vật nuôi của người Kinh nhiều hơn so với người Ca-dong (xem bảng 1). Cụ thể, tổng số gia súc, gia cầm bình quân mỗi hộ ở người Kinh là 30 con, trong đó, trâu/bò 3 con, lợn 5 con, gà 21 con. Tổng số gia súc, gia cầm người Ca-dong bình quân mỗi hộ là 5 con, trong đó, trâu/bò 0,6 con, lợn 1,2 con, gà 5 con. Như vậy, tổng số gia súc, gia cầm/hộ của người Kinh lớn hơn của người Ca-dong 6 lần, số trâu

<sup>1</sup> Ở Thôn 8 cùng xã, người Ca-dong cũng góp đất liên doanh cao su với diện tích gần 30 ha.

bò/hộ lớn hơn 5 lần, số lợn/hộ và số gà/hộ lớn hơn 4 lần.

**Bảng 1: So sánh số lượng vật nuôi của hộ người Kinh và người Ca-dong thôn 7**

*Đơn vị tính: con*

Stt	Họ và tên chủ hộ	Dân tộc	Số lượng vật nuôi		
			Trâu	Bò	Gà
1	Nguyễn Tân Vinh	Kinh	5	7	26
2	Nguyễn Đình Thạch	Kinh	2	5	17
3	Bùi Minh Toán	Kinh	3	4	15
4	Nguyễn Đình Tóa	Kinh	4	6	34
5	Nguyễn Thị Châu	Kinh	2	4	12
6	Đình Văn Thi	Ca-dong	0	1	3
7	Đình Văn Banh	Ca-dong	1	0	5
8	Đình Văn Sấn	Ca-dong	0	7	7
9	Đình Việt Thông	Ca-dong	2	5	0
10	Đình Văn Diêm	Ca-dong	0	4	6

*Nguồn:* Khảo sát thực địa của Đề tài.

*b) Trong hoạt động phi nông nghiệp*

Gần đây, do tác động của kinh tế thị trường, các nghề thủ công truyền thống của người Kinh và Ca-dong thôn 7 đã mai một. Sinh kế phi nông nghiệp hiện nay gồm dịch vụ trao đổi, khai thác nguồn lợi tự nhiên và làm thuê.

Giao thông thuận lợi và sự lan tỏa của kinh tế thị trường là cơ sở thúc đẩy dịch vụ trao đổi hàng hóa phát triển hơn trước. Mặt hàng ngày càng phong phú, bao gồm thực phẩm, tạp hóa và hàng công nghệ phẩm... đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của hầu hết bộ phận cư dân Kinh và Ca-dong thôn 7.

Mặt hàng bán ra gồm lương thực, gia súc, gia cầm, lâm sản phi gỗ, nhiều nhất là keo nguyên liệu. Nhìn vào năng lực tiêu thụ và sản phẩm bán ra thị trường cho thấy sự khác biệt về mức độ tham gia dịch vụ trao đổi giữa người Kinh và Ca-dong. Về năng lực kinh doanh năm 2018, theo tư liệu điền dã của chúng tôi, người Kinh vượt trội hơn nhiều (gấp gần 3 lần) so với người Ca-dong, bình quân giá trị bán ra là trên 40 triệu đồng/hộ/năm, bình quân giá trị mua vào là trên 30 triệu đồng/hộ/năm. Trong khi ở người Ca-dong, các chỉ số tương đương chỉ là 15 triệu đồng/hộ/năm và 10 triệu đồng/hộ/năm. Về mức độ tham gia trao đổi, trong 32 hộ người Kinh có 3 hộ bán dịch vụ tạp hóa tại nhà, 2 hộ bán hàng di động bằng xe máy, 1 hộ bán hàng tại chợ huyện, còn với 43 hộ người Ca-dong, chỉ có 1 hộ duy nhất bán tạp hóa nhỏ tại nhà.

Nhìn chung, hoạt động tham gia khai thác nguồn lợi tự nhiên giữa người Kinh và người Ca-dong thôn 7 không giống nhau. Mức độ khai thác nguồn lợi tự nhiên trong rừng của người Kinh không nhiều và không đa dạng bằng người Ca-dong. Trong khi người Ca-dong khai thác sản phẩm phi gỗ phong phú hơn như săn bắt côn trùng, chim, chuột, đánh bắt cá và thủy sản trên sông suối, hái lượm rau, măng, nấm, củ quả, thì người Kinh chủ yếu sử dụng thực phẩm từ canh tác vườn.

Làm thuê là hoạt động sinh kế xuất hiện ở thôn 7 chưa lâu, do kinh tế thị trường và sự suy giảm đất sản xuất/hộ. Công việc làm thuê khá đa dạng, gồm thợ nề, phụ nề, thợ mộc, công nhân hợp đồng, xuất khẩu lao động..., phổ biến nhất là làm thuê ngay tại địa phương như tham gia trồng keo. Hình thức làm thuê có thể là làm công nhật hoặc làm khoán. Nếu làm công nhật, thu nhập từ 150 đến 180 nghìn đồng/ngày/người, có sự

khác nhau giữa nữ và nam. Nếu làm khoán, thu nhập phụ thuộc vào công việc và sức khỏe, khoảng 250 đến 350 nghìn đồng/ngày/người. Người Kinh thường làm các công việc như thợ mộc, thợ xây, có người đi xuất khẩu lao động hoặc làm công nhân hợp đồng, còn người Ca-dong thường làm công việc thiên về lao động chân tay như trồng và chăm sóc keo, khai thác, vận chuyển keo. Theo tư liệu điền dã của chúng tôi, hiện trong thôn có 3 thợ mộc, 5 thợ xây, 5 thợ phụ nề, 2 người xuất khẩu lao động, 4 công nhân hợp đồng đều là người Kinh, khoảng 30 lao động chăm sóc và thu hoạch keo chủ yếu là người Ca-dong. Làm thuê đối với người Ca-dong có vai trò quan trọng hơn so với người Kinh. Theo kết quả thảo luận nhóm với đại diện cán bộ và người dân thôn 7, thu nhập từ làm thuê của người Ca-dong chiếm gần 1/3 thu nhập hàng năm, thậm chí trở thành nguồn thu nhập chính của nhiều cặp vợ chồng trẻ mới tách hộ không có đất sản xuất.

*c) Khác biệt về đời sống như là hệ quả của khác biệt sinh kế*

Khác biệt về đời sống giữa người Kinh và người Ca-dong thôn 7 thể hiện qua nhiều khía cạnh. Ở đây chỉ trình bày khác biệt trên hai khía cạnh nhà ở và tỷ lệ hộ nghèo.

Về nhà ở, theo tư liệu điền dã của chúng tôi, trong khi ở người Kinh 17 hộ/32 hộ có nhà kiên cố mái bằng (53%), 13 hộ/32 hộ có nhà bán kiên cố tường xây, mái ngói (40%), 2 hộ có nhà tạm, tường gỗ, mái lợp tôn (7%) thì ở người Ca-dong 4/43 hộ có nhà kiên cố (9%), 12 hộ/43 hộ có nhà bán kiên cố (28%) và 27 nhà là nhà tạm (63%), điều có cũng có nghĩa là so với người Ca-dong, tỷ lệ hộ có nhà kiên cố ở người Kinh cao gấp 6 lần, tỷ lệ hộ có nhà bán kiên cố cao gấp gần 1,5 lần và tỷ lệ nhà tạm thấp hơn 9 lần. Chưa kể nhà người Kinh đều

có sân lát xi măng rộng rãi, kang trang, trong khi nhà người Ca-dong vẫn là sân đất, bụi bặm về mùa khô, lầy lội về mùa mưa.

Về tỷ lệ hộ nghèo, theo số liệu của UBND xã Trà Tân, năm 2017, thôn 7 có 15 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 18% số hộ trong thôn, trong đó 1 hộ người Kinh (6% tổng số hộ nghèo và 3% tổng số hộ Kinh), 14 hộ người Ca-dong (94% tổng số hộ nghèo và 33% tổng số hộ Ca-dong) (UBND xã Trà Tân, 2018). Mặc dù tỷ lệ hộ nghèo 33% của người Ca-dong ở thôn 7 là thành tựu và thấp hơn nhiều so với tỷ lệ hộ nghèo của người Ca-dong ở các xã đặc biệt khó khăn trong huyện như Trà Bui (56%), Trà Kót (52%), Trà Đốc (80%), Trà Giác (80%),... (Chi cục Thống kê huyện Bắc Trà My, 2018), nhưng so sánh với người Kinh cùng thôn, tỷ lệ hộ nghèo trong người Ca-dong cao gấp hơn 10 lần tỷ lệ hộ nghèo của người Kinh. Hiện tiêu chí nghèo trong xây dựng nông thôn mới của xã Trà Tân được coi là đạt yêu cầu, nhưng tỷ lệ hộ nghèo quá cao của người Ca-dong so với người Kinh đang là vấn đề đặt ra cần quan tâm khắc phục ở cộng đồng người Ca-dong thôn 7 nói riêng và ở xã Trà Tân nói chung.

#### **4. Một số vấn đề đặt ra và kết luận**

Kết quả nghiên cứu cho thấy, mặc dù cư trú xen cư, cộng cư với nhau trong nhiều thập niên, sống trong cùng điều kiện tự nhiên nhưng vẫn có sự khác biệt sinh kế đáng kể giữa người Kinh và người Ca-dong ở thôn 7. Sự khác biệt đó thể hiện trên nhiều khía cạnh, từ canh tác ruộng nước, trồng keo, làm vườn, liên doanh cây công nghiệp, đến chăn nuôi, nghề rừng, dịch vụ trao đổi, khai thác nguồn lợi tự nhiên và làm thuê. Mặc dù có điều kiện học hỏi trực tiếp từ người Kinh, nhưng các hoạt động sinh kế của người Ca-dong vẫn chậm phát triển hơn nhiều. Đặc biệt tỷ lệ hộ nghèo

người Ca-dong thôn 7 ở mức cao, nhà cửa tạm bợ, thiếu đất sản xuất và việc làm.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến khác biệt và tụt hậu giữa sinh kế của người Ca-dong so với người Kinh, trong đó, đặc điểm kinh tế, xã hội, văn hóa truyền thống là yếu tố có tác động trực tiếp. Người Kinh định canh, thâm canh trên cơ sở canh tác ruộng nước với kỹ thuật và công cụ sản xuất tiên tiến, chủ động, ít lệ thuộc thiên nhiên. Người Ca-dong du canh, quảng canh trên cơ sở canh tác nương rẫy với kỹ thuật đơn giản, phụ thuộc thiên nhiên. Tư duy làm kinh tế của người Kinh nhạy bén và khoa học hơn, biết tính toán và có chiến lược thích ứng, trong khi với người Ca-dong tư duy kinh tế thị trường hoàn toàn mới mẻ. Về văn hóa, tín ngưỡng người Kinh gắn với ruộng nước, ít phụ thuộc tự nhiên, người Ca-dong bảo lưu văn hóa và tín ngưỡng gắn với nương rẫy, còn thụ động, ngại thay đổi, lệ thuộc nhiều vào tự nhiên. Đó là các nhân tố dẫn đến khác biệt và tụt hậu sinh kế người Ca-dong so với người Kinh.

Sự có mặt và xen cư của người Kinh là nhân tố mới và tích cực góp phần thúc đẩy nhanh hơn quá trình phát triển sinh kế của

người Ca-dong ở thôn 7, xã Trà Tân, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam. Những khác biệt mang tính chậm phát triển của sinh kế người Ca-dong so với người Kinh và nguyên nhân dẫn đến khác biệt, tụt hậu nói trên là gợi ý quan trọng giúp đề xuất định hướng chính sách phát triển bền vững sinh kế ở các thôn làng người Ca-dong xen cư với người Kinh. Theo đó, thứ nhất, khẳng định lại nguyên tắc cầm tay chỉ việc thực sự trong suốt quá trình thực hiện công tác khuyến nông, khuyến lâm cần tiếp tục áp dụng; thứ hai, ưu tiên xây dựng các chính sách kích cầu để nâng cao tư duy kinh tế thị trường; thứ ba, có chính sách đột phá về giáo dục, đào tạo để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; thứ tư, khuyến khích, tăng cường vai trò truyền bá kỹ thuật phát triển sinh kế mới của bộ phận người Kinh trong thôn, trong vùng □

#### Tài liệu tham khảo

1. Chi cục Thống kê huyện Bắc Trà My (2018), *Niên giám Thống kê huyện Bắc Trà My, 2017*.
2. UBND xã Trà Tân (2018), *Báo cáo kết quả giảm nghèo xã Trà Tân năm 2018*.
3. (tiếp theo trang 51)
6. Một số khái niệm liên quan đến môi trường, <http://tapchimoitruong.vn/pages/article.asp?item=M%E1%B%99t-s%E1%BB%91-kh%C3%A1i-ni%E1%BB%87m-li%C3%AAn-quan-%C4%91%E1%BA%BFn-m%C3%B4i-tr%C6%B0%E1%BB%9Dng-41139>
7. Myga-Piatek, U. (2005), "History, methods and recourses of cultural landscape", *Problems of landscape ecology*. 17, page 71-77.
8. Sauer, C.O. (1963), *The morphology of landscapes*, Reprinted in: Leighly J., ed., *Land and life: Selections from the writings of Carl Ortwin Sauer*, University of California Press, US.
9. Đinh Trọng Thu, Lê Hồng Ngọc (2018), "Một số vấn đề lý luận cơ bản trong nghiên cứu địa lý văn hóa", *Tạp chí Nghiên cứu Địa lý nhân văn*, số 1 (24), tr. 46-52.
10. Trần Quốc Vượng (2009), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Tái bản lần thứ 11, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.